

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**
Bản án số: 27/2020/HNGĐ -ST
Ngày: 28 -8 -2020
V/v: “Ly hôn giữa
bà D và ông L.”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Văn Long; bà Tăng Thị Nhật Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc “ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thụy Mỹ D; sinh năm 1992; trú tại: Số nhà X, đường T, phường B’, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Trần Anh L; sinh năm 1991; trú tại: Số nhà Y, đường L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn, bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 11/4/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thụy Mỹ D trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là ông Trần Anh L kết hôn vào ngày 04/4/2017, đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà D trình bày, bà và ông L có 01 con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2018 Hiện cháu Q đang sống với bà D. Bà D yêu cầu được nuôi cháu Q và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không có tài sản chung và nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 17/4/2020 bị đơn ông Trần Anh L trình bày: Ông L thống nhất với ý kiến của bà D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà D trình bày, nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà D. Ông L xác định nếu Tòa án cho bà D và ông ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà D nuôi. Bà D và ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự của phiên tòa sơ thẩm quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D cho bà D và ông L ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Thụy Mỹ D và ông Trần Anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Xác định quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thụy Mỹ D có đơn xin ly hôn với ông Trần Anh L, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3]. Áp dụng luật nội dung: Quan hệ Hôn nhân và Gia đình được xác lập năm 2017 nên áp dụng luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Lê Thụy Mỹ D và ông Trần Anh L kết hôn vào ngày 04/4/2017, đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà D được ly hôn với ông L.

[3]. Về con chung: Nguyên vọng của bà D được nuôi cháu Trần Minh Q, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2018 và không yêu cầu ông L Cấp dưỡng, ông L đồng ý. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu Trần Minh Q cho bà D nuôi, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và Ông L xác định không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: bà D phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thụy Mỹ D và ông Trần Anh L.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Minh Q cho bà D nuôi, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thay đổi người nuôi con, quyền thăm nom con sau khi ly hôn được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về án phí: Bà Lê Thụy Mỹ D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí HNGĐ sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0016691 ngày 17/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. B;
- Chi cục T.H.A.D.S.TP. B;
- UBND xã L, TP. B,
Tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đình Tú

